

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2019

Về việc “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Tạ Ngọc Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Hoa K, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bà K, ông Kh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/3/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Kh; Về con chung: Yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Lê Kh1, sinh ngày 14/6/2013, không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nuôi con.

Ông Kh không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ, thương con; Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu.

Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Nguyên đơn trình bày: Bà và ông Kh tự tìm hiểu nhau thời gian được vài tháng thì tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới tháng 4/2012 và đăng ký kết hôn vào tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Sau khi cưới vợ chồng bà cất nhà ở riêng tại ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm thì đến tháng 9/2013, ông Kh thường xuyên đi nhậu, mỗi lần nhậu về ông Kh có hành vi bạo lực với bà như đánh đập; Mâu thuẫn trầm trọng nhất và bà quyết định nộp đơn yêu cầu ly hôn là vào khoảng 16 giờ ngày 01/3/2019, ông Kh đánh bà phải nhập viện điều trị; Sau khi điều trị tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Hưng thời gian 01 tuần thì bà về nhà mẹ ruột tại ấp B, xã Tr, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An sinh sống cho đến nay; Ông Kh có tìm bà nhưng không nhận lỗi mà còn đổ lỗi cho bà đưa đàn ông khác về nhà nên bà không đồng ý tiếp tục trở về chung sống với ông Kh. Do sự việc lần này nghiêm trọng nên bà có báo chính quyền địa phương xử lý, còn các lần khác thì bà không thông báo cho ai biết.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà có một con chung, tên Nguyễn Lê Kh1 sinh năm ngày 14 tháng 6 năm 2013, hiện tại cháu đang sống chung với bà.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng bà có cửa hàng điện thoại ở ấp A, xã Đ do ông Kh đứng tên trong giấy đăng ký kinh doanh; Ông Kh đứng tên vay tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Hưng số tiền 12.000.000 đồng (chương trình vay nước sạch, nhà vệ sinh), vợ chồng bà đã trả được 3.000.000 đồng, còn nợ 9.000.000 đồng, vay kinh doanh điện thoại 30.000.000 đồng.

Bị đơn trình bày: Ông thống nhất tất cả lời trình bày của bà K, ông chỉ trình bày thêm là ông không đánh đập bà K nhiều như bà K trình bày mà ông chỉ đánh một bạt tay, sự việc xảy ra ngày 01/3/2019 vì ông bị ức chế nhiều chuyện không vừa ý nên mới đánh bà; Nay ông hứa sẽ khắc phục để cùng xây dựng gia đình, nếu bà K ly hôn và dẫn con đi thì ông không muốn xa con nên sẽ đi cùng. Tài sản chung và nợ chung như bà K trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên và xác định hiện tại không còn tình cảm với ông Kh, ông Kh nói thương con muốn ở chung với con nhưng ông Kh cũng còn có hai người con khác, các cháu cũng cần có ba chăm sóc nên giao con cho bà nuôi là đảm bảo tốt cho các con.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đầy đủ và đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án: Hôn nhân của bà K và ông Kh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, đây là hôn nhân hợp pháp sẽ được giải quyết theo luật hôn nhân gia đình. Vợ chồng bà K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không hiểu nhau, ông Kh nhiều lần đánh đập bà K, ngày 01/3/2019 ông Kh đánh bà K

nhập viện điều trị 07 ngày, sau khi xuất viện bà K đã về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Bà K cảm thấy không thể tiếp tục sống chung với ông Kh được nữa, vì cuộc sống không còn tình thương và hôn nhân không có mục đích, nên quyết định chia tay chấm dứt quan hệ vợ chồng. Qua trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Kh không đồng ý ly hôn và cho rằng còn thương vợ con, muốn hàn gắn nên xét thấy mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm nữa nên yêu cầu ly hôn của bà K là có căn cứ. Đối với con chung tên Kh1 đang sinh sống ổn định cùng bà K và bà K có thu nhập đảm bảo nuôi dạy cháu nên giao cháu Kh1 cho bà K nuôi dưỡng là phù hợp. Từ các phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà K, về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

Về các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ: Ngoài các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp như: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh con chung, xác nhận về cư trú ông Kh, bản tự khai, bản photo giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà K, Tòa án đã tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ như: Xác minh tình trạng hôn nhân; Ý kiến của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Vĩnh Hưng. Các tài liệu chứng cứ nêu trên đã được Tòa án công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà K yêu cầu ly hôn với ông Kh và tranh chấp nuôi con chung, ông Kh có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Hôn nhân của bà K và ông Kh là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2012 theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp;

- Xét tình trạng mâu thuẫn giữa bà K và ông Kh:

Bà K cho rằng ông Kh thường xuyên có hành vi bạo lực trong gia đình như xúc phạm, đánh đập bà, sự việc trầm trọng nhất là ngày 01/3/2019 ông Kh đánh bà gây thương tích, bà phải đi điều trị tại bệnh viện và vợ chồng đã không sống chung từ đó đến nay; Ông Kh cũng thừa nhận lời trình bày trên của bà K; Như vậy, có căn cứ xác định ông Kh đã có hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình;

Đồng thời, tình trạng hôn nhân của bà K và ông Kh đã nhiều lần được hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành, cụ thể: hòa giải tại Tòa

án hai lần, hòa giải tại gia đình nhiều lần (kết quả xác minh qua lời khai của bà Nguyễn Thị Lon là mẹ ruột của bà K), từ tháng 3/2019 đến nay bà K và ông Kh đã không còn chung sống với nhau; Tại phiên tòa bà K cũng xác định đã không còn tình cảm với ông Kh và kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà K và ông Kh đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cũng không thể hàn gắn được; Đồng thời ông Kh còn thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình là vi phạm điểm h khoản 2 Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Con chung tên Nguyễn Lê Kh1, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2013 đang sinh sống ổn định cùng bà K và bà K có việc làm ổn định đảm bảo chăm lo cho cháu Kh1 phát triển lành mạnh về mọi mặt; Ngoài cháu Kh1 thì ông Kh còn phải chăm sóc cho hai người con khác nên giao con chung cho bà K nuôi dưỡng là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông Kh có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định tại các điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà K và ông Kh đều không có đơn tranh chấp, theo văn bản trả lời của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Vĩnh Hưng thì các khoản vay của ông Kh, bà K chưa đến hạn thanh toán và Ngân hàng cũng không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn tranh chấp nuôi con của bà K.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 5, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung của bà Lê Thị Hoa K.

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Hoa K được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Kh.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Kh1 (giới tính: nam), sinh ngày 14 tháng 6 năm 2013 cho bà Lê Thị Hoa K trực tiếp nuôi dưỡng và chăm

sóc. Bà K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị Hoa K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 15/3/2019 theo biên lai thu tiền số 0004338 sang tiền án phí.

Báo cho bà K, ông Kh biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND/x Đ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu